

VAI TRÒ CỦA NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI TRONG CÁC THỊ TRƯỜNG MỐI NỘI

NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI VÀ THỊ TRƯỜNG TÍN DỤNG

Thập kỷ vừa qua đã chứng kiến những đổi thay về vai trò của các ngân hàng (NH) nước ngoài tại các thị trường mới nổi. Đó là một quá trình thường gây ra nhiều cuộc tranh luận sôi nổi và đã được đề cập khá sâu và cõm mở tại 2 hội nghị cấp phố Thống đốc Ngân hàng Trung ương (NHTW) (1998 và 2000). Lợi ích mà các NH nước ngoài có thể mang đến hiện nay là điều không thể phủ nhận. Nhưng sẽ là ngây thơ nếu lơ đi những mặt hạn chế hay lựa chọn khó khăn cho các nhà quản lí và giám sát của nước sở tại. Phản ứng của các nhà giám sát trước sự gia tăng nhanh chóng các NH nước ngoài trở nên tinh tế hơn - và trong một vài nước, vẫn còn là một nhiệm vụ quan trọng.

NH nước ngoài hoạt động bền vững là những công cụ chủ chốt trong quá trình hội nhập quốc tế của hệ thống tài chính các nền kinh tế thị trường mới nổi. Các NH nước ngoài đã chuyển hướng chiến lược từ việc tìm kiếm các khách hàng là công ty năng động trên trường quốc tế sang khai thác cơ hội kinh doanh trên thị trường nội địa. Một chỉ số chuẩn về sự hiện diện của NH nước ngoài là tỉ trọng tài sản của các NH do nước ngoài

kiểm soát (bảng A1) đã tăng mạnh trong nhiều quốc gia. Một chỉ số khác về ảnh hưởng của các NH nước ngoài là tỷ lệ tổng dư nợ của các NH nước ngoài trên tổng dư nợ của các NH nội địa (cột cuối của bảng 1).

Rõ ràng mức độ xâm nhập của các NH nước ngoài có sự khác biệt khá lớn giữa các khu vực. Đã có một sự chuyển đổi căn bản ở châu Mỹ la tinh và Trung Âu chỉ trong vài năm. Tiến trình tư nhân hóa (ở Cộng hoà Séc, Hungary, Ba Lan, Brazil và Peru) và nhu cầu tái cấp vốn hệ thống tài chính sau các cuộc khủng hoảng tài chính (Mexico và Hàn Quốc) là những động lực quan trọng. Ngược lại, ở châu Á, sự xâm nhập của các NH nước ngoài diễn ra ở quy mô kém hơn rất nhiều (8%) trừ các trường hợp ngoại lệ là Hong Kong (Trung Quốc), Singapore và Thái Lan (tỷ lệ này đã tăng) và Malaysia.

Một bước tiến có tầm quan trọng đáng kể, đó là các chi nhánh lớn ở nước sở tại (chi nhánh địa phương) đang ngày càng "lấn chiếm" hoạt động cho vay bằng đô la Mỹ của các hội sở chính ngân hàng quốc tế. Rõ ràng đây là một diễn biến tích cực bởi vì điều đó có nghĩa là các khoản cho vay bằng bản tệ sẽ cao hơn và do đó, rủi ro mất cán đối tiền tệ sẽ nhỏ đi. Hơn nữa, sự hiện

Nhật Trung*

diện "sâu hơn" của các NH quốc tế có thể góp phần tăng hiệu quả và tính bền vững của hệ thống tài chính.

Sự tham gia của các NH nước ngoài trong hệ thống NH với quy mô ngày càng lớn làm nảy sinh nhiều vấn đề: tác động đến hiệu quả của các định chế tài chính, tăng trưởng tín dụng và phản ứng đối với chính sách tiền tệ; những gợi ý đối với vấn đề ổn định khu vực tài chính.

TÁC ĐỘNG ĐẾN HIỆU QUẢ VÀ HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG

Một sự hiện diện đông đảo hơn của các NH nước ngoài có thể nâng cao tính cạnh tranh của khu vực NH. Tính cạnh tranh cao hơn là điều mong muốn vì một số lí do sau: tăng hiệu quả các dịch vụ tài chính; thúc đẩy quá trình đổi mới; và góp phần vào sự ổn định tài chính. Nó cũng có thể mở rộng con đường tiếp cận nguồn tài trợ của những người vay có năng lực, từ đó thúc đẩy tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng kinh tế. Một hệ thống NH hiệu quả và có tính cạnh tranh cao hơn còn có thể nâng cao hiệu quả cơ chế truyền tải chính sách tiền tệ nhờ có mối liên kết chặt hơn giữa các loại lãi suất (lãi suất tiền gửi, lãi suất tiền vay và lãi suất chủ đạo của NHTW).

Ngân hàng Nhà nước ()*

Bảng 1: Dự nợ của các NH nước ngoài có báo cáo với BIS vào cuối năm; đối với năm 2003, vào cuối tháng 6.

	Dự nợ quốc tế ¹		Dự nợ địa phương ²			Dự nợ địa phương/ Dự nợ quốc tế			Dự nợ địa phương/ Dự nợ NH nội địa			
	1995	2000	2003	1995	2000	2003	1995	2000	2003	1995	2000	2003
	Tỷ USD											
Châu Á³	730	471	422	160	308	360	22	65	85	8	10	8
Trung Quốc	48	58	49	0	3	6	1	6	12	0	0	0
Hồng Kông SAR	241	110	88	96	165	167	40	150	190	48	66	72
Ấn Độ	16	22	22	8	17	24	54	76	106	7	8	8
Indonesia	45	40	29	4	5	6	8	11	20	3	6	7
Hàn Quốc	78	59	65	8	18	29	11	31	45	3	5	5
Malaysia	17	21	22	4	29	33	25	139	152	5	30	29
Philippines	8	17	17	1	5	5	17	32	28	4	13	12
Singapore	192	100	91	22	32	46	11	32	51	26	29	37
Đài Loan	23	18	21	10	16	26	44	90	120	2	3	6
Thái Lan	63	27	17	5	17	19	9	62	113	3	13	15
Châu Mỹ la tinh³	195	260	195	38	222	243	20	85	125	8	41	52
Argentina	38	69	25	4	23	13	10	34	55	7	29	32
Brazil	57	68	52	21	72	52	36	107	100	9	31	23
Chile	14	22	20	8	28	23	58	124	112	25	64	55
Colombia	11	12	8	1	5	5	8	46	59	5	25	21
Mexico	57	64	68	4	80	142	8	126	210	3	58	119
Peru	6	13	11	1	3	3	10	24	27	7	22	21
Venezuela	12	13	12	0	10	6	3	76	48	2	66	77
Trung và Đông Âu³	76	92	119	4	52	93	5	56	78	3	33	35
Cộng hoà Séc	8	11	16	2	15	32	31	135	206	6	53	80
Hungary	9	17	27	1	8	14	8	47	52	5	41	35
Ba Lan	7	24	35	1	27	44	12	112	125	2	48	55
Nga	52	40	41	0	1	2	0	2	6	0	2	2
Các nước khác³	61	95	87	2	7	8	3	8	9	1	2	2
Algeria	13	5	4	0	0	1	1	7	14	1	2	
Israel	5	8	10	0	0	1	0	3	5	0	0	
Saudi Arabia	8	17	16	0	0	0	1	0	0	0	0	0
Nam Phi	16	18	20	1	4	4	6	20	21	1	5	4
Thổ Nhĩ Kỳ	19	47	37	1	3	2	3	6	6	2	3	3

¹ *Dự nợ xuyên quốc gia bằng tất cả các đồng tiền và dự nợ địa phương của các chi nhánh bằng ngoại tệ.*

² *Dự nợ địa phương bằng bản tệ*

³ *Tổng của các quốc gia được nêu*

Một số công trình khoa học đã tiến hành nghiên cứu thực nghiệm những ảnh hưởng của sự xâm nhập NH nước ngoài đến hiệu quả của khu vực tài chính. Nhìn chung, bằng chứng cho thấy sự xâm nhập của các NH nước ngoài càng tăng thì tình cạnh tranh càng được nâng cao. Ví dụ, nghiên cứu hệ thống dữ liệu về những quy định hạn chế được áp dụng trên 107 quốc gia vào năm 1999, Barth và các cộng sự khác (2001) thấy rằng

nhiều quy định hạn chế sự xâm nhập của các NH nước ngoài chặt hơn thì cũng gắn với hiệu quả hoạt động NH thấp hơn (chênh lệch lãi suất cao hơn và chi phí bị đẩy lên). Claessens và một số tác giả khác (2001) cho rằng

sự xâm nhập của các NH nước ngoài có xu hướng làm giảm chênh lệch lợi nhuận trong khu vực NH. Demirguc-Kunt và các cộng sự (2003) cho rằng trong các nền kinh tế mới nổi, sự tập trung của NH càng lớn thì hiệu quả hoạt động NH càng thấp. Claessens và Laevan (2003) cho rằng sự xâm nhập NH nước ngoài càng lớn và những hạn chế về hoạt động càng nhỏ thì tính cạnh tranh của hệ thống NH càng cao.⁴ Hơn nữa, có bằng chứng cho thấy áp lực cạnh tranh sẽ càng lớn ở các lĩnh vực mà hoạt động NH nước ngoài là sôi động.

Sự xâm nhập của NH nước ngoài cũng có thể giúp các quốc gia tái cấp vốn hệ thống NH của họ sau các cuộc khủng hoảng NH, nhờ việc tạo điều kiện cần bản để phục hồi quá trình cung ứng vốn tín dụng NH. Chẳng hạn, vào năm 1995, hệ thống NH Mexico đã bị vỡ nợ vì tổn đọng nhiều khoản nợ xấu và lãi suất bị đẩy lên rất cao do đồng Peso bị phá giá thảm hại. Mặc dù có sự hỗ trợ đáng kể của Chính phủ, tín dụng NH đối với khu vực tư nhân cũng không thể phục hồi sau một vài năm. Khi hệ thống NH đã được mở cửa, một cơ sở vốn NH vững chắc và các khoản nợ xấu đã được xử lý triệt để sẽ tạo động lực cho các NH mở rộng và phục hồi năng lực cung ứng tín dụng cho nền kinh tế. Như bảng 1 cho thấy, tỷ lệ dư nợ địa phương của các NH có vốn nước ngoài so với dư nợ của các NH trong nước ở Mexico là 119%. NH có sở hữu nước ngoài trên 50% chiếm gần 82% tổng tài sản

của khu vực NH (bảng A1).

Ngược lại hoàn toàn với thực trạng trên, các nước châu Á bị khủng hoảng tiền tệ năm 1997, rất ít dựa vào các NH nước ngoài. Tỷ lệ dư nợ địa phương của các NH quốc tế so với dư nợ NH nội địa là 30% ở Malaysia, 15% ở Thái Lan và thậm chí còn thấp hơn ở Hàn Quốc, Indonesia và Philippines. Một câu hỏi khá thú vị đặt ra là tại sao các nước Châu Á lại ít dựa vào các NH nước ngoài sau cuộc khủng hoảng Châu Á so với các nước thuộc Châu Á khác. Một số lý do có thể nêu ra ở đây là do tỷ lệ tiết kiệm cao (dẫn đến NH có khả năng thanh khoản cao hơn) và sự hỗ trợ tài chính của Chính phủ cao hơn.

TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ ỔN ĐỊNH TÀI CHÍNH VÀ KINH TẾ

Sự xâm nhập của các NH nước ngoài có thể tăng cường ổn định tài chính nhờ vào sự đa dạng hóa rủi ro cao hơn và hoàn thiện quy trình quản trị rủi ro. Nó cũng có thể nâng cao cơ sở vốn hoặc tính thanh khoản khi cần thiết.

Sự hiện diện của các NH nước ngoài đặc biệt có giá trị trong bối cảnh hệ thống NH nội địa lâm vào tình trạng căng thẳng, góp phần đa dạng hóa và phòng chống rủi ro quốc gia đặc thù có thể xói mòn nghiêm trọng vốn của hệ thống NH. Các NH nước ngoài hoạt động trong nhiều quốc gia khác nhau nên ít nhạy cảm với những chu kỳ kinh tế và do đó, cả chu kỳ của hệ thống tài chính nước chủ nhà. Tuy nhiên, điều này còn phụ thuộc vào việc

chu kỳ nền kinh tế nước chủ nhà được gắn kết chặt chẽ vào nền kinh tế toàn cầu ở mức độ nào. Nền kinh tế nước chủ nhà càng mở cửa, càng hội nhập với nền kinh tế toàn cầu thì mức độ nhạy cảm của các NH nước ngoài với chu kỳ kinh tế của nước chủ nhà cũng tăng lên.

Những thay đổi ngược chiều ki trong hoạt động cho vay của NH nước ngoài cũng có thể khuyến khích đại hiệu quả của chính sách tiền tệ. Hoạt động của NH nước ngoài có thể ổn định hơn trong bối cảnh xảy ra khủng hoảng. Họ không những có thể nhận biết rõ hơn các nguy cơ mất cân đối tiền tệ mà còn có thể cấu viên thanh khoản từ các tổ chức NH mẹ.

Một số nghiên cứu thực nghiệm cho thấy các NH nước ngoài trong thực tiễn, có vai trò ổn định hoá. Sử dụng các số liệu thống kê của các nước châu Mỹ la tinh trong giai đoạn 1985-2000, Martinez Peria và các cộng sự (2002) chỉ ra rằng, trong khi các NH nước ngoài truyền tải các cơn sóc bên ngoài cho nước chủ nhà, họ luôn phản ứng nhanh nhạy hơn trước các điều kiện của nước chủ nhà và các khoản cho vay của họ cũng thay đổi linh hoạt theo các cơn sóc tích cực hơn là tiêu cực. Họ cũng phát hiện ra rằng hoạt động tín dụng của các NH nước ngoài không bị cắt giảm đáng kể trong giai đoạn khủng hoảng; do vậy, sự tham gia của các NH nước ngoài càng lớn thì khả năng xảy ra khủng hoảng có thể sẽ thấp hơn.

Hoạt động của các NH nước ngoài trong các giai đoạn khủng hoảng thể hiện vai trò ổn định hóa mà chúng có thể thực hiện. Chẳng hạn, Detragiache và Gupta (2004) cho rằng NH nước ngoài đã không rời bỏ thị trường địa phương trong cuộc khủng hoảng 1997-98 ở Malaysia và nhận ít sự hỗ trợ của Chính phủ hơn các định chế trong nước.⁶ Trong một ví dụ khác, tăng trưởng tín dụng của các NH nước ngoài ở Argentina và Mexico là nhanh hơn các NH nội địa trong các cuộc khủng hoảng 1994-95 (Goldberg và các tác giả khác, 2000).

Dù vậy, vẫn có 3 vấn đề quan trọng về vai trò của các NH nước ngoài.

Thứ nhất, một sự hiện diện đồng đều của NH nước ngoài có nghĩa rằng thông tin cung cấp cho các nhà giám sát nước chủ nhà có thể giảm đi theo sự chuyển hướng quản trị rủi ro và ra quyết định sang NH mẹ. Việc không niêm yết cổ phiếu các chi nhánh địa phương trên sở giao dịch chứng khoán địa phương sẽ tước đi một nguồn thông tin thị trường quan trọng.

Thứ hai, sự hiện diện đồng đều NH nước ngoài có thể mang đến những cơn sốc thuận tuy từ nước ngoài, như đã từng tác động đến NH mẹ. Rồi những vấn đề liên quan khác như các nhân tố xác định tính dễ bị tổn thương trước các cơn sốc bên ngoài, liệu rủi ro tín dụng của các NH nước ngoài tại nước sở tại có lớn hơn so với các khoản cho vay xuyên biên giới truyền thống, và những

gợi ý chính sách về giám sát và quản lý, cần có lời giải thỏa đáng trong những nghiên cứu sau này.

Vấn đề thứ ba là cách xử lý các khoản cho vay định giá bằng ngoại tệ. Một khách hàng chọn vay bằng ngoại tệ để phục vụ hoạt động kinh doanh bằng bản tệ sẽ làm cho chính khoản vay đó có rủi ro tín dụng cao hơn nhưng điều này thường ít được NH lưu ý trong kỹ thuật quản trị rủi ro, hoặc chưa được các nhà quản lý, giám sát quan tâm đầy đủ. Và cần luôn ghi nhớ một điều rằng, cho vay bằng ngoại tệ thường có rủi ro tín dụng cao hơn cho vay bằng bản tệ.

Hàng loạt sự kiện lên đến cao trào trong cuộc khủng hoảng tài chính Argentina năm 2001 đã đặt ra một số vấn đề quan trọng. Sự phản ứng của các NH nước ngoài phụ thuộc vào bản chất của cơn sốc và chính sách kinh tế của Chính phủ nước chủ nhà như thế nào? Những ràng buộc về cơ chế, hay khả năng hoạt động, hay động cơ tiếp cận người cho vay cuối cùng, chịu tác động bởi sự chuyển đổi từ các nghiệp vụ NH quốc tế sang nghiệp vụ NH nội địa ra sao? Điều đó có hàm ý gì đối với phản ứng của NH nước ngoài trong các giai đoạn căng thẳng tài chính? Những lời giải đáp cho các câu hỏi này có mối quan hệ với quản trị rủi ro của các NH nước ngoài và sự giám sát của các nhà điều tiết nước ngoài.

Một hướng đi khác của nghiên cứu cho rằng sự xâm nhập của các NH nước ngoài có thể góp

phần tăng tính ổn định nhờ tăng lợi nhuận và nâng cao năng lực về vốn trong khu vực NH. Có một số bằng chứng cho thấy hợp lý hóa các dịch vụ NH sau khi có sự xâm nhập của khu vực nước ngoài (hay cạnh tranh nước ngoài) sẽ giảm chi phí và tăng lợi nhuận. Một hậu quả kém khả quan hơn có thể xảy ra trong một số trường hợp, đó là các NH nước ngoài tăng lợi nhuận bằng cách giảm cạnh tranh.⁵ Levy Yeyati và Micco (2003) nghiên cứu 8 nước châu Mỹ la tinh và phát hiện rằng, sự xâm nhập của các NH nước ngoài dường như làm giảm tính cạnh tranh của khu vực NH. Mức lợi nhuận cao hơn cùng cố vị thế tài chính của NH và giảm mức rủi ro. Rủi ro thấp không nhất thiết vì các khoản cho vay của NH nước ngoài an toàn hơn các NH nội địa, mà do lợi nhuận cao hơn mà các NH nước ngoài trung bình có thể đạt được. Các NH nước ngoài có thể làm được điều này vì sản phẩm của họ là không thể thay thế hoàn hảo bởi các sản phẩm do NH nội địa cung ứng.

Sự xâm nhập của các NH nước ngoài cũng có thể hạ thấp rủi ro nhờ hoàn thiện kỹ thuật quản trị rủi ro và thiết lập dự phòng thực tế hơn cho các khoản nợ xấu. Do các kỹ thuật quản trị rủi ro này ngày càng thâm nhập sâu vào văn hóa kinh doanh của hệ thống NH địa phương (và có thể chất lượng giám sát được nâng cao), tính ổn định của hệ thống tài chính địa phương cũng được nâng cao. Dù vậy, có 2 vấn

Bảng A1: Tình hình sở hữu NH nước ngoài

	Tài sản NH có sở hữu nước ngoài là 50% hay cao hơn ¹		Tài sản NH có sở hữu nước ngoài cao hơn 10% nhưng thấp hơn 50%	
	1990	2000	1990	2000
Trung Quốc
Hồng Kông SAR	45,6	88,6	3,7	7,2
Ấn Độ	21	40	.	4
Indonesia
Hàn Quốc	.	32,7 ²	.	7,5 ²
Malaysia	22,3	24,9	34,1	30,5
Philippines
Singapore	89,4	75,7
Thái Lan	.	5,9	.	45,8
Argentina	17 ³	48,1	13,4	12,7
Brazil	.	25,2	.	7
Chile	18,6	33,1	5,5	16,5
Colombin	3,7 ⁴	18	6,6 ⁴	13,7
Mexico	0,3	54,6	.	0,3
Peru	0,0	32,6	10,5	9,2
Venezuela	.	49,7	.	7,7
Cộng hoà Séc	26,4	65,4	63,7	22,1
Hungary	11,4 ⁵	69,9	8,2 ⁵	23,8
Ba Lan	0,02	69,5	0,02	1,4
Nga	7,2 ⁶	9,5	5,5 ⁶	3,1
Israel	.	.	.	20,2
Saudi Arabia	.	.	7	6
Nam Phi
Thổ Nhĩ Kỳ	2,9	3,6	0,8	.

Chú thích: (.) không có số liệu; (-) không có; (...) không áp dụng.

¹Phần trăm trên tổng tài sản của khu vực NH vào cuối năm.

²2001. ³1991, phần trăm của tiền gửi. ⁴1992. ⁵1993. ⁶1998

để hình thành vốn nổi lên. Thứ doanh nghiệp nhỏ và vừa và nhất, kĩ năng và nguồn lực vượt những người vay đáng tin cậy trội của các NH nước ngoài cho khác. Luận cứ này một thời từng phép họ lôi kéo nhiều người vay được xem như một sự chỉ trích có khả năng sinh lời và đáng tin các NH nước ngoài, nhưng hiện tại các NH nội địa, vì vậy, có nay, dường như đang mất dần tác động tiêu cực đến thị phần tính thuyết phục bởi vì các NH và khả năng sinh lời của các NH nước ngoài đang ngày càng thể nội địa. Kim và Lee (2003) cho hiện năng lực của họ trong việc rằng NH nước ngoài có thể tạo mở rộng hoạt động kinh doanh ra hiệu ứng này ở Hàn Quốc. Thứ đến các hộ gia đình. Trong lĩnh hai, các NH nước ngoài có thể vực này, NH nước ngoài đã tạo tập trung các khoản cho vay vào ra những bước tiến đáng kể trong những khách hàng lớn thay vì các hoàn thiện kĩ thuật chấm điểm

tín dụng và công nghệ chứng khoán hóa.

Tuy nhiên, vẫn chưa có bằng chứng thực nghiệm rõ ràng là sự xâm nhập của các NH nước ngoài có tác động tiêu cực đến hoạt động cho vay các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Một nghiên cứu sử dụng số liệu của các nước châu Mỹ la tinh khẳng định rằng NH nước ngoài trong thực tế ít cho vay các hoạt động kinh doanh nhỏ. Tuy nhiên, điều này chỉ đúng đối với một số NH nước ngoài quy mô nhỏ, không đủ nguồn lực để đánh giá những người vay nhỏ. Một nghiên cứu khác đánh giá tác động của NH nước ngoài lên nhận thức của người vay về điều kiện tín dụng dựa trên khảo sát hơn 4.000 doanh nghiệp của 38 nền kinh tế đang phát triển. Cuộc khảo sát kết luận rằng sự xâm nhập của NH nước ngoài góp phần tăng khả năng tiếp cận tín dụng của tất cả các công ty. Các công ty nhỏ vẫn thu được lợi ích và quy mô công ty càng lớn thì lợi ích thu được càng cao.

Các nhà hoạch định chính sách tại các nền kinh tế mới nổi đã tìm cách tăng nguồn vốn tín dụng cho khách hàng nhỏ nhờ giảm rủi ro tín dụng thông qua 2 giải pháp: (1) tăng cường cung cấp thông tin để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh giá năng lực của người vay trong nền kinh tế, ví dụ thành lập các trung tâm thông tin tín dụng; (2) tăng lãi suất phạt nợ quá hạn nếu người vay không hoàn trả nợ đúng hạn ■

(Phần chú thích và tài liệu tham khảo tiếp theo trang 14)